

# ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 30

## NHÓM TOÁN 6

Năm học : 2019 – 2020

### A- SỐ HỌC:

#### Tiết 86: LUYỆN TẬP

##### I) Kiến thức cần đạt:

- Học sinh củng cố các tính chất cơ bản của phép nhân phân số: Giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Có kĩ năng vận dụng các tính chất trên để thực hiện phép tính hợp lý, nhất là khi nhân nhiều số.

##### II) Nội dung

##### 1. Kiến thức ghi nhớ:

##### Các tính chất cơ bản của phép nhân:

a. Tính chất giao hoán:  $\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{c}{d} \cdot \frac{a}{b}$

b. Tính chất kết hợp:  $(\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d}) \cdot \frac{p}{q} = \frac{a}{b} \cdot (\frac{c}{d} \cdot \frac{p}{q})$

c. Tính chất nhân với 1:  $\frac{a}{b} \cdot 1 = 1 \cdot \frac{a}{b} = \frac{a}{b}$

d. Tính chất phân phối:  $\frac{a}{b} \cdot (\frac{c}{d} + \frac{p}{q}) = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} + \frac{a}{b} \cdot \frac{p}{q}$  ( $a; b; c; d; p; q \in \mathbb{Z}, b; d; q \neq 0$ )

2) Yêu cầu làm bài tập: Bài 78 đến 83 trang 40,41 – SGK.

Bài 91 đến 95 tr27,28 /SBT

#### Tiết 87: PHÉP CHIA PHÂN SỐ

##### I) Kiến thức cần đạt:

- HS hiểu khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0. Hiểu và vận dụng được quy tắc chia phân số.

- Có kĩ năng thực hiện tốt phép chia phân số .

##### II) Nội dung

##### Kiến thức ghi nhớ:

### 1.Số nghịch đảo:

- Định nghĩa: SGK

- Kí hiệu số nghịch đảo của  $\frac{a}{b}$  là  $\frac{b}{a}$  ( $a, b \neq 0$ )

VD: Số nghịch đảo của  $\frac{1}{7}$  là 7 ; Số nghịch đảo của -5 là  $-\frac{1}{5}$

Số nghịch đảo của  $\frac{-11}{10}$  là  $\frac{-10}{11}$

#### Chú ý:

\* Số nghịch đảo của  $\pm 1$  là  $\pm 1$ .

\* Số 0 không có số nghịch đảo.

### 2.Phép chia phân số.

+ Qui tắc: SGK

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{b.c};$$

+ **Chú ý:**  $a : \frac{c}{d} = a \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{c}$  ( $c \neq 0$ )

**Ví dụ:** a)  $\frac{2}{3} : \frac{1}{2} = \frac{2}{3} \cdot \frac{2}{1} = \frac{4}{3}$ ;      b)  $\frac{-4}{5} : \frac{3}{4} = \frac{-4}{5} \cdot \frac{4}{3} = \frac{-16}{15}$       c)  $-2 : \frac{4}{7} = \frac{-2}{1} \cdot \frac{7}{4} = \frac{-7}{2}$

\* Nhận xét:  $\frac{a}{b} : c = \frac{a}{b.c}$  ( $c \neq 0$ )

3) Yêu cầu làm bài tập: 84 → 88 (SGK/T43); 96 → 100 (SBT/T29)

### Tiết 88. LUYỆN TẬP

#### I) Kiến thức cần đạt:

- HS vận dụng được qui tắc chia phân số vào giải bài toán.

- HS có kĩ năng tìm số nghịch đảo của một số khác 0 và kĩ năng thực hiện phép chia phân số, tìm x.

#### II) Nội dung:

##### 1. Kiến thức cần nhớ:

Các quy tắc chia phân số:

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{b.c}; \quad a : \frac{c}{d} = a \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{c} (c \neq 0); \quad \frac{a}{b} : c = \frac{a}{b.c} (c \neq 0)$$

### Vận dụng giải bài 86 (SGK/tr43)

Tìm x biết:

$$\frac{4}{5} \cdot x = \frac{4}{7}$$

$$\frac{3}{4} : x = \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{4}{7} : \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{3}{4} : \frac{1}{2}$$

a)  $x = \frac{4}{7} \cdot \frac{5}{4}$

b)  $x = \frac{3}{4} \cdot \frac{2}{1}$

$$x = \frac{5}{7}$$

$$x = \frac{3}{2}$$

2) Yêu cầu làm bài tập: Bài 89 → 93 trang 43,44 – SGK

Bài 103 → 108 (SBT/T29, 30)

## B – HÌNH HỌC

### Tiết 24. ĐƯỜNG TRÒN

#### I) Kiến thức cần đạt:

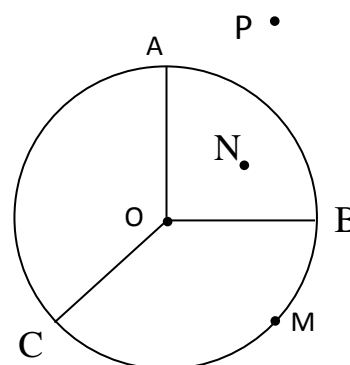
- HS hiểu đường tròn là gì? Hình tròn là gì?
- Hiểu thế nào là cung, dây cung, đường kính, bán kính.
- Rèn kỹ năng sử dụng compa thành thạo,
- Biết vẽ đường tròn, cung tròn.
- Biết giữ nguyên độ mở của compa

#### II) Nội dung:

##### Kiến thức cần nhớ:

#### 1. Đường tròn và hình tròn.

##### a. Đường tròn



Định nghĩa: SGK

Kí hiệu: Đường tròn tâm O bán kính R là  $(O; R)$

$A, B, C, M \in (O, R); \quad N, P \notin (O, R)$

$ON < R$ : N nằm trong đường tròn

$OP > R$ : P nằm ngoài đường tròn

b. Hình tròn

Định nghĩa: SGK

## 2. Cung và dây cung

Điểm E và F chia đường tròn thành 2 phần, mỗi phần là một cung tròn

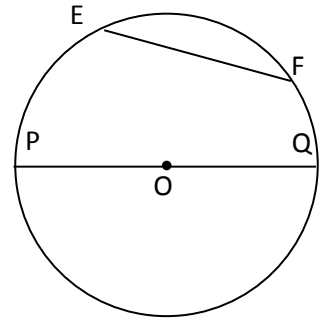
VD: Cung tròn EF, E, F là hai mút của cung

Các đoạn thẳng nối 2 đầu mút của cung là dây cung

VD: Dây cung PQ, EF

Dây đi qua tâm là đường kính

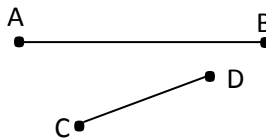
VD: Đường kính PQ



## 3. Một công dụng khác của compa.

a. So sánh hai đoạn thẳng.

VD1: SGK



$AB > CD$

b. Xác định tổng độ dài hai đoạn thẳng.

VD2: SGK



$ON = OM + MN$

**4) Yêu cầu làm bài tập:** Bài 38 → 41 trang 91,92 – SGK

Bài 35 → 38 (SBT/93)